

TVS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TDL, 22 Láng Hạ,
Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3248 4820

Fax: (84-4) 3248 4821

Chi Nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63A Võ Văn Tần,
Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 6299 2099

Fax: (84-8) 6299 2088

Website: <http://www.tvs.vn> Email: info@tvs.vn

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ: 430.000.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM

Email: info@tvs.vn

Website: <http://www.tvs.vn>

Điện thoại: (84-4) 32484820

Fax: (84-4) 32484821

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/12/2006.

2. Quá trình phát triển:

a. Các mốc sự kiện:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh CK số 36/UBCK-GPHĐKD (“GP 36”) của Chủ tịch UBCK ngày 25/12/2006; Giấy phép số 67/UBCK-CP ngày 24/8/2007 điều chỉnh GP 36 tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng; Giấy phép 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 5/12/2007 điều chỉnh GP 36 tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng;
- Quyết định 505/QĐ-UBCK (“QĐ 505”) của Chủ tịch UBCK ngày 7/9/2007 chấp thuận thành lập chi nhánh TPHCM; Quyết định 81/QĐ-UBCK ngày 16/2/2009 sửa đổi QĐ 505 (chuyển địa điểm chi nhánh);
- Quyết định 18/QĐ-TTGDHN ngày 25/1/2007 của Giám đốc TTGDCK Hà Nội v/v Công nhận thành viên giao dịch;
- Giấy chứng nhận thành viên đấu thầu TTGDCK Hà Nội ngày 14/3/2007;
- Quyết định 42/QĐ-TTGDHCM ngày 7/2/2007 của GD TTGDCK TPHCM v/v Công nhận tư cách thành viên;
- Giấy chứng nhận tư cách thành viên lưu ký số 43/GCNTVLK ngày 17/1/2007 của GD TTLKCK;

- Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký số 10/GCNTVLK –CN ngày 4/10/2007 của GD TTLKCK;
- Quyết định số 01/QĐ-SGDHCM của TGD SGDCK TPHCM ngày 4/1/2010 v/v chấp nhận thành viên giao dịch trực tuyến;
- Quyết định số 238/QĐ-SGDHN của TGD SGDCK HN ngày 27/4/2010 v/v chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến;
- Giấy Phép Điều Chính số 115/GPĐC-UBCK của Chủ Tịch UBCK ngày 03/12/2012 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chuyển trụ sở về Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

b. *Ngành nghề kinh doanh*

Ngay từ khi thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Chủ Tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006, Công ty đã được cấp phép hoạt động đầy đủ các loại hình kinh doanh chứng khoán như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

c. *Tăng vốn*

Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện hai lần tăng vốn điều lệ:

- Tăng vốn từ 43.000.000.000 VNĐ lên 86.000.000.000 VNĐ theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007;
- Tăng vốn từ 86.000.000.000 VNĐ lên 430.000.000.000 VNĐ theo Quyết định số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05 tháng 12 năm 2007.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a. *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

Chiến lược trong trung hạn giai đoạn 2010-2015 của chúng tôi là xây dựng bộ phận Ngân hàng đầu tư (IB) có tính cạnh tranh ở Việt Nam đồng thời cam kết đem lại lợi nhuận bền vững cho các cổ đông trong môi trường hậu khủng hoảng. Chúng tôi sẽ duy trì và tiếp tục phát triển bốn lĩnh vực kinh doanh hiện tại là Ngân hàng đầu tư (IB), Tự doanh, Môi giới khách hàng cá nhân (PCB), và Môi giới khách hàng tổ chức (ICG). Hai lĩnh vực đầu là hai lĩnh vực có tính cạnh tranh và là yếu tố then chốt đối với sự tăng trưởng dài hạn.

b. *Chiến lược phát triển của các bộ phận*

Ngân hàng đầu tư:

Chúng tôi tập trung vào việc hợp tác dài hạn với các doanh nghiệp lớn thuộc khối kinh tế tư nhân để mang lại cho bộ phận IB các dịch vụ và thương vụ tiềm năng ví dụ như vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, kinh doanh chiến lược, M&A, IPO và tài trợ vốn đặc quyền.

Tự doanh:

Tự doanh là yếu tố chính mang lại lợi nhuận của chúng tôi về mặt ngắn hạn đồng thời trợ giúp chúng tôi phát triển hoạt động của IB. Chúng tôi đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, vốn cổ phần công ty niêm yết, và tài sản nợ. Chiến lược của chúng tôi là đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân và công ty niêm yết với bước đệm là tài sản nợ.

Môi giới:

TVS phần đầu là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán chuyên sâu và chất lượng cao cho Khách hàng. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát rủi ro khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

Nghiên cứu & Phân tích:

Mục tiêu của TVS là đứng trong các công ty nghiên cứu và phân tích hàng đầu tại Việt Nam. Công ty sẽ từng bước xây dựng và củng cố các nguồn lực thích hợp để tạo ra các sản phẩm phân tích có chất lượng, mang tính thường xuyên và chuyên sâu với khả năng bao quát khoảng 30-50 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất mà chiếm tới hơn 70% tổng giá trị vốn hoá thị trường.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1) NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2012 là năm thực sự khó khăn đối với Ngành tài chính Việt Nam nói chung và TTCK nói riêng. Một số lãnh đạo cấp cao hoặc nhân lực chủ chốt của những ngân hàng rơi vào vòng lao lý. Nhiều CTCK không trụ lại được đã phải hủy niêm yết hay giải thể do có KQKD lỗ liên tục như SME, AVS, SBS, hay lãnh đạo cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại cho cổ đông và khách hàng (chứng khoán Liên Việt, Tràng An...). Trong bối cảnh đó, Công ty chứng Khoán Thiên Việt vẫn đạt 42.8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, +6.2% so với năm 2011 và TVS là 1 trong 10 công ty có mức ROE cao nhất thị trường (9.8%). Kết quả trên đã phản ánh khoản dự phòng nợ khó đòi hơn 15 tỷ đồng được trích lập trong năm 2012.

2) TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

Dự báo tình hình kinh tế và môi trường kinh doanh

Năm 2012, kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng kiến những bước thụt lùi khi (1) GDP tăng trưởng chỉ 5.03% - thấp nhất từ năm 2000, (2) Tăng trưởng tín dụng ở mức 8.91% cả năm – thấp nhất kể từ năm 1992 do hệ quả từ việc thắt chặt tiền tệ, dòng vốn ứ đọng trong ngân hàng, (3) Nợ xấu BĐS tăng và chiếm hơn 50% tổng dư nợ trong toàn hệ thống ngân hàng (4) Hàng loạt các cuộc mua bán, sáp nhập trong quá trình tái cấu trúc hệ thống.

Điểm sáng của nền kinh tế xuất hiện vào thời điểm cuối năm khi TTCK đã diễn biến tích cực trở lại. Lãi suất cho vay và huy động trong nền kinh tế lần lượt hạ xuống mức 15%/năm và 8%/năm trong năm 2012 nhằm giúp các DN (đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn) tháo gỡ khó khăn về vốn. Việt Nam lần đầu tiên xuất siêu 284 triệu USD sau 19 năm là quốc gia nhập siêu. Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được xử lý triệt để bằng các công cụ trích lập dự phòng rủi ro, công ty quản lý nợ xấu (VAMC). Năm 2013 Chính phủ đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP 5.5%, tăng trưởng tín dụng 12%-13%, tiếp tục quản lý thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới, xử lý nợ xấu.

Dự báo tình hình kinh doanh của TVS

HĐQT và Ban điều hành đã thống nhất là trong năm 2013 sẽ duy trì và tiếp tục phát triển nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (IB) và đầu tư vốn (PI), trong khi bộ phận môi giới khách hàng cá nhân sẽ được tổ chức lại theo hướng nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng hiện tại, đồng thời phát triển các sản phẩm tài chính nhằm mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, hạn chế đến mức có thể các rủi ro.

Bộ phận IB và PI sẽ là hai bộ phận chủ lực trong định hướng phát triển kinh doanh nền tảng của TVS trong năm 2013. Tập trung vào thế mạnh, duy trì tốt các mảng khác đồng thời thận trọng hơn với những thay đổi của tình hình kinh tế, TVS đưa ra kế hoạch thực hiện cho năm 2013 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 47 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2012
- Cổ tức 2012 ở mức 10%, tương đương 1.000đ/CP

a. Ngân hàng đầu tư (IB)

Trong bối cảnh cung cấp tín dụng của ngân hàng ngày càng khó khăn với nhiều điều kiện khắt khe, huy động vốn qua sàn chứng khoán hầu như ngưng trệ khi thị trường phân hóa mạnh, M&A là 1 trong những phương thức mà doanh nghiệp tìm đến như 1 phương thức tối ưu vừa nâng cao khả năng cạnh tranh, vừa tiếp cận nguồn vốn dễ dàng. Năm 2013 được dự đoán tiếp tục là năm sôi động của thị trường M&A, do đó IB dự kiến sẽ thực hiện thành công 3-5 thương vụ với tổng giá trị lên đến 100 triệu USD.

b. Đầu tư vốn (PI)

Dù vấn đề của thị trường bất động sản và nợ xấu ngân hàng vẫn cần nhiều thời gian để giải quyết, chúng tôi dự báo chính sách tiền tệ vẫn sẽ được nới lỏng với mức độ thận trọng và có định hướng. Các doanh nghiệp ngoài khối bất động sản và ngân hàng sẽ có nhiều thuận lợi trong sản xuất kinh doanh hơn so với năm trước. Thị trường sẽ tiếp tục bị phân hóa và dòng tiền của khối ngoại, NĐT tổ chức sẽ tham gia vào thị trường 1 cách có định hướng. Do đó, TVS sẽ tiếp tục đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp đầu ngành, có lợi thế cạnh tranh lớn, tiềm lực tài chính ổn định và kế hoạch phát triển mở rộng cụ thể. Chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp này sẽ nắm bắt được cơ hội và tạo ra giá trị cao cho nhà đầu tư trong 2 năm tới khi kinh tế VN được kỳ vọng sẽ đi vào chu kỳ tăng trưởng mới.

c. Môi giới chứng khoán (PCB)

Những chính sách vĩ mô liên quan đến việc phục hồi và củng cố nền kinh tế sẽ có tác động trực tiếp đến TTCK cũng như tâm lý NĐT khi tham gia và thị trường. Là một bộ phận tiếp xúc và mang các dịch vụ như tư vấn, đặt lệnh, hoàn thành các yêu cầu tài chính của khách hàng, trong năm 2013 Môi giới có đề ra chiến lược phát triển như sau. (1) Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ bằng cách chăm sóc những khách hàng hiện có, đồng thời mở rộng đến các nhóm khách hàng tiềm năng lớn tham gia vào thị trường (2) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát rủi ro khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

e. Kế hoạch duy trì và phát triển hệ thống CNTT

Năm 2013 bộ phận IT sẽ tiến hành hoàn thiện dự án UTS với những mục chính như sau (1) hoàn thành module Dịch vụ tài chính với 2 sản phẩm chính là Margin và Bảo lãnh giao dịch (2) Cập nhật phiên bản mới cho Gateway kết nối HSX đồng thời cập nhật hệ thống đáp ứng giao dịch trên hệ thống mới của HNX. Bên cạnh đó, bộ phận IT cũng đưa thêm 1 số sản phẩm hỗ trợ kinh doanh và hoạt động, bao gồm (1) Bổ sung kênh đặt lệnh và truy vấn thông tin qua dịch vụ tin nhắn ngắn (2) Tìm kiếm và đề xuất phương án cho module giao dịch online trên thiết bị di động.

3) NHỮNG VIỆC HĐQT ĐỀ NGHỊ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TVS PHÊ DUYỆT:

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính năm 2012
- Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2012 và chi trả cổ tức 2012 ở mức 10%
- Kế hoạch kinh doanh 2013 và cổ tức 10%, tương đương 1.000đ/cp

- Cho phép trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% nếu vượt kế hoạch nhằm khen thưởng động viên nhân viên.

4) KẾT LUẬN

Trong năm 2013 TVS khẳng định tiếp tục theo đuổi sứ mệnh của một định chế tài chính, tư vấn huy động các nguồn vốn và các cơ hội đầu tư cho các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, không ngừng củng cố và phát triển để vươn lên vị thế hàng đầu thị trường.

V. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Với những bất ổn sẵn có từ năm 2011, năm 2012 chứng kiến sự suy thoái của hàng loạt những nền kinh tế lớn tại Châu Âu, Châu Mỹ và cường quốc mới nổi Trung Quốc ở Châu Á. Tại Châu Âu, Hy Lạp có nguy cơ phải rời khỏi Eurozone khi vấn đề nợ công đã không được giải quyết ổn thỏa, Tây Ban Nha, Ý bên cạnh việc tự thắt chặt chi tiêu cũng đã kêu gọi sự giúp đỡ của NHTW Châu Âu. Vách đá tài khóa với thuế cao, nợ công cao khiến chính quyền Mỹ phải đi đến quyết định bơm thêm tiền thông qua QE3 để đẩy mạnh tốc độ phục hồi của nền kinh tế.

Năm 2012 ghi nhận suy thoái của nền kinh tế trong nước khi có đến hơn 100 ngàn doanh nghiệp bị phá sản, hệ thống ngân hàng rung chuyển vì nợ xấu khi bong bóng BĐS “nổ tung”... Bên cạnh đó, để kìm hãm đà tăng của lạm phát, Chính phủ đã quyết liệt triển khai chính sách thắt chặt tiền tệ khiến tăng trưởng GDP cả năm chỉ ở mức 5.03% - thấp nhất từ năm 2000. Vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 33.5% GDP, ước đạt 989.3 nghìn tỷ đồng, +7% so với năm 2011. Lãi suất huy động giảm từ 14%/năm xuống 8%/năm, theo đó, lãi suất cho vay cũng điều chỉnh giảm từ 25%/năm xuống 15%/năm. Tuy nhiên, mức lãi suất này không được áp dụng đại trà mà chỉ áp dụng phổ biến với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong khi đa số các DN thuộc ngành khác vẫn phải chịu mức lãi suất phổ biến từ 17%/năm-18%/năm. Tăng trưởng tín dụng ở mức 8.91% - thấp nhất trong vòng 20 năm qua, trong cơ cấu tín dụng, dư nợ BĐS chiếm hơn 50% và ở mức 1.5 triệu tỷ đồng. Hệ thống ngân hàng trải qua hàng loạt các thương vụ sáp nhập, M&A, thay đổi nhân sự...do nhu cầu tái cấu trúc.

TTCK Việt Nam năm 2012 đi qua với 3 thời điểm chính (1) Sóng tăng đầu năm từ dòng tiền bắt đáy và tác động tích cực từ thị trường tài chính (bắt đầu từ đầu năm 2012 đến T5/2012) (2) VNIndex “đổ đèo” trước nguy cơ bất ổn nợ xấu trong ngân hàng và BĐS, nhiều sự kiện tiêu cực (giữa T5/2012 đến cuối T11/2012) (3) Hồi phục trở lại từ đáy

khủng hoảng – Sóng “chính sách” hình thành (từ T12/2012). HOSE kết thúc năm ở mức 399.7 điểm, +13.7% so với đầu năm trong khi HNX -8% khi dừng tại 54.32 điểm. GTGD trung bình năm đạt 1,321 tỷ đồng/phiên, +30% so với năm 2011. Tổng giá trị mua ròng của khối ngoại +191% so với năm 2011 và đạt 6,036 tỷ đồng/phiên

2. Tình hình hoạt động kinh doanh của TVS

Với định hướng hoạt động tư vấn làm cốt lõi chúng tôi đã đạt kết quả kinh doanh khá khích lệ như sau.

	Thực hiện 2012	% Hoàn thành KH		Thực hiện 2012
<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>				
Tổng tài sản	883		Thu nhập trên 1 cổ phiếu	1.108
Vốn chủ sở hữu	449		ROA	4.9%
Doanh thu thuần	166		ROE	9.8%
Lợi nhuận trước thuế	46.3		Tăng trưởng doanh thu	-51.8%
Lợi nhuận sau thuế	42.8	82%	Tăng trưởng LNST	+6.2%

LNST +6.2% so với năm 2011 và đạt 42.8 tỷ chủ yếu nhờ đóng góp bộ phận IB và PI

Ngân hàng đầu tư (IB)

Năm 2012 bộ phận IB của TVS đã thực hiện thành công 3 thương vụ với tổng giá trị gần 90 triệu USD như chuyển nhượng vốn công ty nước Kênh Đông (40 triệu USD) của CII, mua lại cổ phần 1 NHTM Việt Nam (30 triệu USD), BRC thoái vốn 10% cổ phần niêm yết (16 triệu USD). Các thương vụ này đều được khách hàng đánh giá cao, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn và thị trường vốn ảm đạm. Năm 2013, bộ phận tư vấn đặt kế hoạch thực hiện thành công 3-5 thương vụ với tổng giá trị giao dịch 80-100 triệu USD.

Đầu tư vốn (PI)

Nhờ tập trung vào các doanh nghiệp có giá trị cốt lõi, tăng trưởng bền vững, danh mục đầu tư niêm yết của TVS trong năm qua tiếp tục đạt được kết quả khả quan hơn so với thị trường chung, trong đó một phần lợi nhuận được hiện thực hoá bao gồm 16 tỷ từ việc đầu tư cổ phiếu hơn và 10 tỷ cơ tức tiền mặt. Danh mục đầu tư của TVS hiện nay có thanh khoản khá cao và tập trung vào các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định trong dài hạn.

Môi giới chứng khoán (PCB)

TTCK năm 2012 trải qua 3 giai đoạn chính khi tăng mạnh đầu năm, điều chỉnh mạnh đến cuối tháng 11 và phục hồi vào giai đoạn cuối năm, thanh khoản trung bình năm +30% so với năm 2011 và đạt 1,321 tỷ đồng/phiên. Vì vậy doanh thu môi giới khách hàng trong nước và nước ngoài trong năm 2012 +10%. Tuy nhiên, do thiếu thận trọng trong việc quản lý rủi ro khi cung cấp dịch vụ tài chính, PCB đã phải trích lập dự phòng 15 tỷ, và chỉ hoàn nhập được 495 triệu đồng.

Hạ tầng công nghệ

Trong năm 2012, bộ phận công nghệ thông tin (IT) của TVS tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án UTS, phát triển module hỗ trợ hoạt động kinh doanh trên hệ thống thông tin nội bộ cùng việc hoàn thiện hệ thống IT cho văn phòng TVS mới ở Hà nội. Qua đó hệ thống IT đã hỗ trợ dịch vụ tài chính (DVTC) trong việc quản lý tài sản NĐT, kết thúc chuyển đổi số liệu lịch sử đối với dữ liệu giao dịch tiền và chứng khoán của NĐT.

3. Kết luận

Kết thúc năm 2012, TVS đã đạt được LNST 43 tỷ, +6% so với 2011 và vẫn nằm trong top 10 CTCK có mức ROE cao nhất thị trường (9.8%) trong 3 năm gần nhất. Đây là động lực để Ban Điều Hành và toàn thể nhân viên TVS nỗ lực hơn để đạt kế hoạch lợi nhuận 2013 mà HĐQT TVS đã đề ra cho năm tài khóa 2013.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) tại 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 47 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban điều hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-079/1

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Tâm Anh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0651/KTV

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
--------------	--------------------	-------------------------------	-------------------------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		717.489.818	342.679.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	477.309.927	182.185.843
Tiền	111		336.859.927	23.821.843
Các khoản tương đương tiền	112		140.450.000	158.364.000
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	215.632.185	130.878.574
Đầu tư ngắn hạn	121		223.611.847	172.367.700
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.979.662)	(41.489.126)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.687.817	26.739.557
Phải thu của khách hàng	131		1.414.925	2.768.883
Trả trước cho người bán	132		667.185	483.760
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		36.339	17.968
Các khoản phải thu khác	138	7	71.640.228	51.971.867
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(50.070.860)	(28.502.921)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		859.889	2.875.171
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		543.637	2.271.204
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		859	126.847
Các tài sản ngắn hạn khác	158		315.393	477.120
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.722.539	206.138.892
II. Tài sản cố định	220		5.562.839	7.822.429
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.007.223	4.506.508
<i>Nguyên giá</i>	222		17.346.025	16.318.975
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.338.802)	(11.812.467)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.555.616	3.277.400
<i>Nguyên giá</i>	228		6.320.225	6.080.225
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.764.609)	(2.802.825)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	38.521
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	148.416.959	193.759.286
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		150.105.439	195.447.766
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		89.696.860	195.447.766
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		60.408.579	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.688.480)	(1.688.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.742.741	4.557.177
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	73.326	259.222
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	6.966.396	422.120
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	13	2.519.924	2.273.535
Tài sản dài hạn khác	268	14	2.183.095	1.602.300

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		883.212.357	548.818.037
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		433.867.886	120.971.558
I. Nợ ngắn hạn	310		350.638.970	37.197.450
Phải trả người bán	312		5.278.976	4.985.845
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.348.168	8.328.766
Phải trả người lao động	315		2.395.838	6.664.891
Chi phí phải trả	316		180.691	208.591
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	331.269.816	15.134.559
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	141.375
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.075.060	222.620
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	325		3.565.900	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	17	1.524.521	1.510.803
II. Nợ dài hạn	330		83.228.916	83.774.108
Vay và nợ dài hạn	334	18	83.200.000	83.312.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	12	28.916	8.024
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	454.084
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		449.344.471	427.846.479
I. Vốn chủ sở hữu	410		449.344.471	427.846.479
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	19	(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.240.347	7.097.176
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		9.240.347	7.097.176
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.494.967	19.283.317
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		883.212.357	548.818.037

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
5. Ngoại tệ các loại	005	144.789	5.597.482
6. Chứng khoán lưu ký	006	583.084.030	398.499.330
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	447.080.650	336.631.600
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	93.567.880	39.706.260
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	353.329.730	296.754.300
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	183.040	171.040
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	19.068.180	196.140
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	19.068.180	196.140
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	99.000.000	52.200.370
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	99.000.000	44.500.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	7.700.370
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	17.903.500	8.970.900
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	2.853.100
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	17.903.500	6.117.800
6.7 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	037	31.700	500.320
6.7.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng lưu ký	038	-	30
6.7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	039	31.700	500.290

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND'000	2011 VND'000
Doanh thu	01		166.409.243	344.907.906
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	20	101.002.600	4.350.648
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	21	36.238.769	193.470.240
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		580.000	45.636.707
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		8.545	11.273
Doanh thu khác	01.9	22	28.579.329	101.439.038
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		166.409.243	344.907.906
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(106.065.283)	(258.009.881)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		60.343.960	86.898.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(14.669.586)	(15.844.662)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.674.374	71.053.363
Thu nhập khác	31		552.762	32.800
Chi phí khác	32		-	(16.164.273)
Lợi nhuận khác	40		552.762	(16.131.473)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.227.136	54.921.890
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	(9.887.087)	(14.605.061)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	6.523.383	(8.038)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.863.432	40.308.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	26	1.108	1.025

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	430.000.000	(26.109.652)	5.081.736	5.081.736	41.055.406	455.109.226
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	40.308.791	40.308.791
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(9.521.538)	-	-	-	(9.521.538)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.015.440	2.015.440	(4.030.880)	-
Cổ tức	-	-	-	-	(58.050.000)	(58.050.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	430.000.000	(35.631.190)	7.097.176	7.097.176	19.283.317	427.846.479
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	42.863.432	42.863.432
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.143.171	2.143.171	(4.286.342)	-
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(2.015.440)	(2.015.440)
Cổ tức (<i>Thuyết minh 27</i>)	-	-	-	-	(19.350.000)	(19.350.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	430.000.000	(35.631.190)	9.240.347	9.240.347	36.494.967	449.344.471

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND'000	2011 VND'000 (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	46.227.136	54.921.890
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	3.498.967	7.140.883
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng	03	(11.941.525)	53.093.082
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	04	(3.409)	16.164.273
Lỗ/(lãi) thuần từ thanh lý các khoản đầu tư	05	46.324.933	(83.057.075)
Thu nhập từ cổ tức		(10.747.510)	(19.324.592)
Lãi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	06	(115.528)	854.793
Thu nhập tiền lãi	07	(34.837.979)	(104.561.715)
Chi phí lãi vay	08	4.351.621	89.850.006
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09	42.763.524	15.081.545
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10	(9.842.931)	(11.028.057)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	313.805.945	(72.183.396)
		303.963.014	(83.211.453)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.351.559)	(94.317.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.719.770)	(7.788.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	329.655.209	(170.235.364)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(1.277.898)	(3.347.586)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.409	-
Tiền thu từ cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(113.732.334)	(60.351.253)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	61.505.581	897.234.422
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.324.736	124.215.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.183.324)	957.751.564

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	2012 VND'000	2011 VND'000 (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(9.521.538)
Tiền vay nhận được	33	-	82.472.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(715.000.000)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.347.801)	(56.591.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.347.801)	(698.641.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	295.124.084	88.875.192
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	182.185.843	93.310.651
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	477.309.927	182.185.843

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 72 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 74 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Nghìn Đồng Việt Nam (“VND’000”).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán đầu tư dài hạn là những chứng khoán vốn chưa niêm yết được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán).

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch từ ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

- đồ đạc 3 năm
- phương tiện vận chuyên 6 năm
- thiết bị văn phòng 2 – 5 năm
- tài sản khác 3 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	: 5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thu nhập tiền lãi từ trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng lãi suất thực tế.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Thu nhập lãi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Thu nhập lãi chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng, cho vay các tổ chức kinh tế và tiền ứng trước cho khách hàng cho hoạt động giao dịch chứng khoán. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Chi phí vay

Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
		(Trình bày lại)
Tiền		
Tiền mặt	619.489	668.767
Tiền gửi ngân hàng	336.240.438	23.153.076
- Của Công ty chứng khoán	6.085.405	7.362.595
- Giữ hộ nhà đầu tư	330.155.033	15.790.481

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	336.859.927	23.821.843
Các khoản tương đương tiền		
- <i>Của Công ty chứng khoán</i>	140.450.000	158.364.000
	477.309.927	182.185.843

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có số ngoại tệ trị giá 144.789 nghìn VND (31/12/2011: 5.597.482 nghìn VND).

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND'000)
a) Cửa Công ty chứng khoán	37.703	1.187.649.168
Cổ phiếu	33.582	955.701.442
Trái phiếu	2.082	218.773.009
Chứng khoán khác	2.039	13.174.717
b) Cửa nhà đầu tư	303.519	4.221.933.304
Cổ phiếu	297.359	3.655.362.085
Trái phiếu	5.343	561.629.397
Chứng khoán khác	817	4.941.822
	341.222	5.409.582.472

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Chứng khoán kinh doanh	207.411.847	172.367.700
Đầu tư ngắn hạn khác	16.200.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)	(7.979.662)	(41.489.126)
	215.632.185	130.878.574

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
-------------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Chứng khoán sẵn sàng để bán	89.696.860	195.447.766
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	60.408.579	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	(1.688.480)	(1.688.480)
	<hr/>	<hr/>
	148.416.959	193.759.286
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012(số dư cuối năm) và ngày 1 tháng 1 năm 2012(số dư đầu năm)
 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000	Tăng		(Giảm)		Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000
I. Chứng khoán kinh doanh	10.299.121	5.127.922	207.411.847	172.367.700	13.284.996	1.008.117	(7.979.662)	(41.489.126)	212.717.181	131.886.691
Cổ phiếu niêm yết	9.899.121	4.727.922	163.180.207	128.136.060	12.843.143	1.008.117	(7.979.662)	(41.489.126)	168.043.688	87.655.051
Trái phiếu chính phủ (*)	400.000	400.000	44.231.640	44.231.640	441.853	-	-	-	44.673.493	44.231.640
II. Chứng khoán đầu tư	4.382.070	9.762.060	150.105.439	195.447.766	1.608.681	-	(1.688.480)	(1.688.480)	150.025.640	193.759.286
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.792.070	9.762.060	89.696.860	195.447.766	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	88.008.380	193.759.286
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.791.970	9.758.960	55.536.860	158.343.307	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	53.848.380	156.654.827
Trái phiếu doanh nghiệp	100	3.100	34.160.000	37.104.459	-	-	-	-	34.160.000	37.104.459
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	590.000	-	60.408.579	-	1.608.681	-	-	-	62.017.260	-
Trái phiếu chính phủ (*)	590.000	-	60.408.579	-	1.608.681	-	-	-	62.017.260	-
IV. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	16.200.000	-	-	-	-	-	16.200.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các trái phiếu này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(tiếp theo)
Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2012	2011
	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	41.489.126	16.381.673
Dự phòng trích lập thêm trong năm	5.718.850	39.121.244
Dự phòng sử dụng trong năm	(37.639.790)	(14.012.784)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.588.524)	(1.007)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	7.979.662	41.489.126

Trong năm không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư (i)	23.278.874	11.032.423
Thanh toán hộ khách hàng	25.837.385	25.681.000
Cổ tức phải thu	2.228.000	5.366.624
Lãi trái phiếu phải thu	14.241.273	9.436.112
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư ngắn hạn khác phải thu	6.048.949	454.733
Các khoản phải thu khác	5.747	975
	71.640.228	51.971.867

Ứng trước cho nhà đầu tư kinh doanh chứng khoán có kỳ hạn gốc từ 2 đến 4 ngày.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	28.502.921	517.293
Dự phòng trích lập thêm trong năm	24.070.670	28.502.921
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.502.731)	(517.293)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	50.070.860	28.502.921

9. Tài sản cố định hữu hình

2012

	Vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.101.391	641.122	14.435.007	141.455	16.318.975
Mua trong năm	-	-	1.037.898	-	1.037.898
Thanh lý trong năm	-	-	(10.848)	-	(10.848)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.101.391	641.122	15.462.057	141.455	17.346.025
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.101.391	418.511	10.151.110	141.455	11.812.467
Khấu hao trong năm	-	106.854	2.430.329	-	2.537.183
Thanh lý trong năm	-	-	(10.848)	-	(10.848)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.101.391	525.365	12.570.591	141.455	14.338.802
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	-	222.611	4.283.897	-	4.506.508
Số dư tại ngày 31 tháng 12	-	115.757	2.891.466	-	3.007.223

2011

	Vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.101.391	641.122	14.183.014	141.455	16.066.982
Tăng trong năm	-	-	251.993	-	251.993
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.101.391	641.122	14.435.007	141.455	16.318.975
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	855.617	311.657	7.206.559	109.890	8.483.723
Khấu hao trong năm	245.774	106.854	2.944.551	31.565	3.328.744
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.101.391	418.511	10.151.110	141.455	11.812.467
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	245.774	329.465	6.976.455	31.565	7.583.259
Số dư tại ngày 31 tháng 12	-	222.611	4.283.897	-	4.506.508

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản cố nguyên giá 10.890.441 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 8.459.873 nghìn VND)

10. Tài sản cố định vô hình

	2012 Phần mềm máy vi tính VND'000	2011 Phần mềm máy vi tính VND'000
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	6.080.225	26,768,221
Tăng trong năm	240.000	3,095,561
Xóa sổ	-	(23,783,557)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	6.320.225	6,080,225
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.802.825	6,652,025
Hao mòn trong năm	961.784	3,770,116

Xóa sổ	-	(7,619,316)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.764.609	2,802,825
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.277.400	20,116,196
Số dư tại ngày 31 tháng 12	2.555.616	3,277,400

11. Chi phí trả trước dài hạn

	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	259.222	865.378
Tăng trong năm	72.404	179.274
Phân bổ trong năm	(258.300)	(785.430)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	73.326	259.222

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	422.120	422.120
Dự phòng phải thu khó đòi	6.544.276	-
	6.966.396	422.120
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng phải thu khó đòi	(34)	-
Lãi chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	(28.882)	(8.024)
	(28.916)	(8.024)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	6.937.480	414.096

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị thuế VND'000
Lỗi tính thuế	6.027.379	1.506.845	6.027.379	1.506.845

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND'000
2015	Chưa quyết toán	6.027.379

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì Công ty không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.273.535	1.303.378
Tăng trong năm	-	908.306
Tiền lãi phân bổ trong năm	246.389	61.851
Số dư tại ngày 31 tháng 12	2.519.924	2.273.535

14. Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác bao gồm tiền đặt cọc thuê văn phòng và trả cho các dịch vụ khác của Công ty.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.195.303	6.027.986
Thuế thu nhập cá nhân	1.114.040	2.291.237
Thuế giá trị gia tăng	38.825	1.598
Thuế nhà thầu	-	7.945
	<hr/>	<hr/>
	4.348.168	8.328.766

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	330.155.033	15.134.559
Phải trả khác	1.114.783	-
	<hr/>	<hr/>
	331.269.816	15.134.559

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Cổ tức phải trả	1.460.729	1.458.530
Phải trả khác	63.792	52.273
	<hr/>	<hr/>
	1.524.521	1.510.803

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Vay dài hạn	83.200.000	83.312.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

Mô tả	Tiền tệ	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Vay nợ từ Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)	USD	Lãi suất thả nổi	2014	83.200.000	83.312.000

Đây là khoản vay chuyển đổi dài hạn với Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), có kỳ hạn 3 năm và được thanh toán khi đến hạn với hạn mức tín dụng tối đa là 5 triệu USD (tương đương 104.000 triệu VND). Lãi suất được tính bằng tổng của LIBOR và chênh lệch lãi suất thích hợp vào ngày xác định lãi suất và được thay đổi 6 tháng một lần. Lãi được thanh toán vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm. Việc chuyển đổi từ khoản vay thành cổ phiếu là một sự kiện chưa chắc chắn trong tương lai và phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa hai bên.

Khoản vay được bảo đảm bằng 990.000 Trái phiếu Chính phủ có giá trị ghi sổ là 104.640.219 nghìn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 111.026.379 nghìn VND).

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	43.000.000	430.000.000	43.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.300.000)	(35.631.190)	(4.300.000)	(35.631.190)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.700.000	394.368.810	38.700.000	394.368.810

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

20. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Đây là doanh thu từ phí môi giới giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Phí giao dịch được tính với mức phí từ 0,15% đến 0,50% giá trị giao dịch của nhà đầu tư.

21. Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lãi từ hoạt động đầu tư cổ phiếu	16.107.713	161.051.061
Lãi từ hoạt động đầu tư trái phiếu	55.541	118.392
Thu nhập cổ tức	10.747.510	19.324.592
Thu nhập lãi trái phiếu	9.328.005	12.976.195

36.238.769	193.470.240
------------	-------------

22. Doanh thu khác

	2012 VND'000	2011 VND'000
Thu nhập từ tiền lãi gửi ngân hàng	18.007.576	28.128.443
Thu nhập từ cho vay các tổ chức kinh tế khác	6.350.523	-
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng	1.863.329	587.744
Thu từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	1.151.875	63.457.077
Thu nhập khác	1.206.026	9.265.774
	28.579.329	101.439.038

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	62.488.187	78.112.378
Dự phòng phải thu khó đòi	21.567.939	27.985.628
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (được sử dụng)/ được trích lập	(33.509.464)	25.107.454
Lương và các chi phí liên quan	17.221.210	18.899.686
Chi phí hao mòn tài sản cố định	2.901.569	3.742.429
Chi phí tư vấn	14.977.192	-
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	87.828.493
Chi phí lãi vay	4.351.621	2.021.513
Chi phí khác	16.067.029	14.312.300
	106.065.283	258.009.881

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lương và các chi phí liên quan	7.201.224	6.025.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.191.609	5.809.307
Chi phí vật liệu, công cụ và dụng cụ	9.415	144.870
Chi phí hao mòn tài sản cố định	597.398	3.398.454
Thuế và lệ phí	143.100	22.358
Chi phí khác	2.526.840	444.297
	14.669.586	15.844.662

25. Thuế thu nhập

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND'000	2011 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	9.887.087	14.605.061
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(6.523.383)	8.038
Chi phí thuế thu nhập	3.363.704	14.613.099

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	46.227.136	54.921.890
Thuế theo thuế suất của Công ty	11.556.784	13.730.473
Chi phí không được khấu trừ thuế	44.619	5.705.736
Thù lao cho Hội đồng quản trị	26.389	-
Thu nhập không chịu thuế (*)	(2.686.878)	(4.831.148)
Hoàn nhập chi phí dự phòng không được khấu trừ năm 2011	(3.535.783)	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi trên mức quy định theo Thông tư 228	4.502.848	-
Thuế tính trên lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(20.892)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.887.087	14.605.061
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(6.523.383)	8.038
Chi phí thuế thu nhập	3.363.704	14.613.099

(*) Đây là khoản thu nhập được miễn thuế phát sinh từ cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 10.747.510 nghìn VND (Thuyết minh 21) theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (năm 2011: 19.324.592 nghìn VND).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu từ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 42.863.432 nghìn VND (năm 2011: 40.308.791 nghìn VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 38.700.000 cổ phiếu (năm 2011: 39.332.192 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lợi nhuận thuần trong năm	42.863.432	40.308.791

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	38.700.000	40.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm trong năm	-	(667.808)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	38.700.000	39.332.192

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.103	1.025

27. Cổ tức

Căn cứ chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 4 năm 2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 8 năm 2012 Cty đã tiến hành tạm ứng lần 1 cổ tức 19.350 triệu VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 5% trên mệnh giá, tương đương với 500 VND trên một cổ phiếu).

28. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	1/1/2012 VND'000	Biến động		31/12/2012 VND'000
		Tăng VND'000	Giảm VND'000	
Phải thu của khách hàng	2.768.883	546.870.377	(548.224.335)	1.414.925

Ứng trước cho người bán	483.760	652.861	(469.436)	667.185
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.968	5.075.671	(5.057.300)	36.339
Các khoản phải thu khác	51.971.867	2.083.428.890	(2.063.760.529)	71.640.228
Dự phòng phải thu khó đòi	(28.502.921)	(24.070.670)	2.502.731	(50.070.860)
	26.739.557	2.611.957.129	(2.615.008.869)	23.687.817

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	476.690.438	181.517.076
Phải thu khách hàng		1.414.925	2.768.883
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		36.339	17.968
Các khoản phải thu khác	(iii)	71.640.228	51.971.867
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	(iv)	44.231.640	44.231.640
Tài sản ngắn hạn khác		16.200.000	-
Đầu tư dài hạn vào chứng khoán nợ	(iv)	94.568.579	37.104.459
Tài sản ngắn hạn khác		316.252	603.967
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		2.519.924	2.273.535
		<hr/> 707.618.325	<hr/> 320.489.395

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban điều hành không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào liên quan đến các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này sẽ mất khả năng trả nợ và gây ra tổn thất tài chính cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tại ngày 1 tháng 1	28.502.921	517.293
Trích lập trong năm	24.070.670	28.502.921
Hoàn nhập trong năm	(2.502.731)	(517.293)
	<hr/> 50.070.860	<hr/> 28.502.921

(iv) Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm

phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000	Từ 1 đến 2 năm VND'000
Phải trả người bán	5.278.976	5.278.976	5.278.976	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.348.168	4.348.168	4.348.168	-
Phải trả người lao động	2.395.838	2.395.838	2.395.838	-
Chi phí phải trả	180.691	180.691	180.691	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	3.565.900	3.565.900	3.565.900	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	331.269.816	331.269.816	331.269.816	-
Phải trả hộ cổ tức	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.524.521	1.524.521	1.524.521	-
Nợ dài hạn	83.200.000	83.200.000	-	83.200.000
	431.763.910	431.763.910	348.563.910	83.200.000

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2012 USD (tương đương VND'000)	31/12/2011 USD (tương đương VND'000)
Tiền và tương đương tiền	144.789	5.597.482
Vay và phải trả dài hạn	(88.005.275)	(83.312.000)
	<hr/>	<hr/>
	(87.860.486)	(77.714.518)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
USD	20.800	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2012 VND'000	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2011 VND'000
USD (mạnh thêm 5%)	(4.393.024)	(3,885,726)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 88.005.275 nghìn VND phải trả dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

Giá trị ghi sổ	
31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000

Các công cụ tài chính có lãi suất cố định*Tài sản tài chính*

Tiền và tương đương tiền	476.690.438	181.517.076
Đầu tư vào chứng khoán nợ	138.800.219	81.336.099
Đầu tư ngắn hạn khác	16.200.000	-
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	2.519.924	2.273.535

Nợ phải trả tài chính

Tiền gửi của khách hàng cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	(331.269.816)	-
--	---------------	---

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi*Nợ phải trả tài chính*

Vay nợ dài hạn	(83.200.000)	(83.312.000)
----------------	--------------	--------------

219.740.765	181.814.710
-------------	-------------

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.648.056 nghìn VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban điều hành của Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Tiền	477.309.927	477.309.927	182.185.843	182.185.843
▪ Cổ phiếu niêm yết	163.180.207	168.043.688	128.136.060	87.655.051
▪ Trái phiếu	44.231.640	44.673.493	44.231.640	*
▪ Các khoản phải thu	73.407.744	73.407.744	26.946.175	26.946.175
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	60.408.579	62.017.260	1.608.681	*
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư chứng khoán dài hạn	89.696.860	88.008.380	195.447.766	*
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(5.278.976)	(5.278.976)	(4.985.845)	(4.985.845)
▪ Chi phí phải trả	(840.691)	(840.691)	(208.591)	(208.591)
▪ Phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	(331.269.816)	(331.269.816)	(15.134.559)	(15.134.559)
▪ Phải trả dài hạn	(1.524.493)	(1.524.493)	(83.312.000)	*
	569.320.981	574.546.516	474.915.170	*

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Ngoại trừ các khoản đầu tư chứng khoán nêu trên, Công ty không xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính khác cho mục đích thuyết minh theo khoản 28 của Thông tư 210 bởi vì (i) không có sẵn giá niêm yết của các tài sản và nợ tài chính này trong thị trường hoạt động; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt nam chưa có hướng dẫn về đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có sẵn giá niêm yết trong thị trường hoạt động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2013

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, ngõ 263/18, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, HN
- Chỗ ở hiện tại: nt
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5.2005 -12. 2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
1.2007- nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm 2012: không có

4. Quyền lợi của Ban điều hành:

Theo quy chế tiền lương của Công ty

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và trình độ cán bộ nhân viên

Số lượng cán bộ nhân viên của TVS tại trụ sở chính, chi nhánh TP HCM và Văn phòng Đại diện Hoàn Kiếm trong năm 2010 là 78 người trong đó:

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
I/ Số lượng cán bộ nhân viên	71 người	100%
- Trụ sở chính	40 người	56.3%
- Chi nhánh Tp HCM	31 người	43.7%
II/ Trình độ học vấn		
- Trên Đại học	6 người	8.5%
- Đại học	59 người	88.7%
- Trung cấp	2 người	2.8%

b. Chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- **Môi trường làm việc:**

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS từ năm đầu thành lập cho tới hết năm 2010 chiếm tỷ lệ rất cao.

- ***Chính sách lương, thưởng, phụ cấp***

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp xăng xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

- ***Chăm sóc toàn diện người lao động***

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm “Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khoẻ” dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

- ***Chính sách đào tạo***

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TSV.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế.

c. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/ Chủ tịch, Ban điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm 2012.

- ***Thành viên Hội đồng Quản trị:*** Không thay đổi
- ***Thành viên Ban điều hành:*** Không thay đổi
- ***Thành viên Ban Kiểm soát:*** Không thay đổi
- ***Kế toán trưởng:*** Không thay đổi

d. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên
Ông Trần Vũ Hoài	Thành viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Trưởng ban
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên

VIII. THÔNG TIN CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(tại ngày 31/12/2013)

1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,554	0,0036%
2	Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí – PVFC Capital	Tầng 6 - Tòa nhà Tổng Công ty Cp Tài chính Dầu khí – 22 Ngô Quyền – p Tràng Tiền – Hoàn Kiếm – Hà Nội	981,296	2,28%

2. Cổ đông sáng lập

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Trung Hà	Số 96 Linh Lang, phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội	9,488,687	21,92%
2	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,554	0,0036%

	khí Việt Nam			
3	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính VMF Việt Nam	172 Trần Vũ, Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	30,856	0,07%
4	Đặng Thị Kim Yến	4A, ngõ 132 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	-	-

3. Cổ đông nước ngoài

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	-	-
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết: - Đỗ Việt Hùng - Mr.CHHOR Eang Heang - Blue Chip Consulting Corporation	565,655 458,000 1,571,075	1,32% 1,07% 3,65%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết: - HIDEKI MITSUI - KOJI INADA	51,289 76,933	0,12% 0,18%

Ngày 15 tháng 4 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH THẢO